**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**MÔN: ĐỊA LÍ 10 (BỘ SÁCH KNTT) - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT Nguyễn Địa Lý**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức/Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | | **% tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  | | |
| **Số CH** | | ***Thời gian***  *(phút)* |
| ***Số CH*** | ***Thời gian***  *(phút)* | ***Số CH*** | ***Thời gian***  *(phút)* | ***Số CH*** | ***Thời gian***  *(phút)* | ***Số CH*** | ***Thời gian***  *(phút)* | ***TN*** | ***TL*** |
| **1** | **A. Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp** | Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp | **1** | 1,0 | **1** | 1,5 |  |  |  |  | **2** |  | 2,5 | 7 |
| **2** | **B. Sử dụng bản đồ** | **B1.** Phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ.  **B2.** Sử dụng bản đồ trong học tập và đời sống. Một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống. | **3** | 3,0 | **2** | 3,0 |  |  |  |  | **5** |  | 6,0 | 17 |
| **3** | **C. Trái Đất** | **C.1.** Sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất.  **C2.** Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất. | **4** | 4,0 | **3** | 4,5 | **1 (b\*)** | 5,0 | **1\*\*** | 8.0 | **7** | **1 (b\*)**  **1\*\*** | 14,75 | 33 |
| **4** | **D. Thạch quyển** | **D1.** Thạch quyển, thuyết kiến tạo mảng.  **D2.** Nội lực và ngoại lực. | **4** | 4,0 | **3** | 4,5 | **1 (a\*)** | 5,0 | **1\*\*** | 8,0 | **7** | **1 (a\*)**  **1\*\*** | 6,75 | 43 |
| **Tổng** | |  | **12** | *12.0* | **9** | *13.5* | **1 TL** | *10.0* | **1 TL** | *9.5* | **21** | **2** | *45.0* | *100* |
| **Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức** | |  | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | | **70** | **30** |  |  |
| **Tỉ lệ chung** | |  | **70** | | | | **30** | | | | **100** | |  |  |

**Lưu ý:**

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.

- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.

- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

- (a\*) Giáo viên có thể ra câu hỏi ở mức độ vận dụng thuộc đơn vị kiến thức: **C.1** hoặc **C.2.**

- (b\* ) Giáo viên có thể ra câu hỏi ở mức độ vận dụng thuộc đơn vị kiến thức: **D.1** hoặc **D.2.**

- (1\*\*) Giáo viên có thể ra câu hỏi ở mức độ vận dụng cao thuộc thuộc đơn vị kiến thức: **C.1** hoặc **C.2** hoặc **D.1** hoặc **D.2.**

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**MÔN: ĐỊA LÍ 10 (BỘ SÁCH KNTT) - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **A. Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp** | Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp | **\* Nhận biết**  - Khái quát được đặc điểm cơ bản của môn Địa lí và xác định được vai trò của môn Địa lí trong trường phổ thông.  **\* Thông hiểu**  - Xác định được vai trò của môn Địa lí đối với đời sống.  - Xác định được những ngành nghề có liên quan đến kiến thức địa lí. | **2** | **2** |  |  |
| **2** | **B. Sử dụng bản đồ** | **B1.** Phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ.  **B2.** Sử dụng bản đồ trong học tập và đời sống. Một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống. | **\* Nhận biết**  **-** Phân biệt được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ: kí hiệu, đường chuyển động, chấm điểm, khoanh vùng, bản đồ - biểu đồ.  **\* Thông hiểu**  - Xác định và sử dụng được một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống. | **4** | **2** |  |  |
| **3** | **C. Trái Đất** | **C.1.** Sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất.  **C2.** Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất. | **\* Nhận biết**  **-** Trình bày được nguồn gốc hình thành Trái Đất, đặc điểm của vỏ Trái Đất, các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất.  - Trình bày được khái quát thuyết kiến tạo mảng;  **\* Thông hiểu**  - Phân tích được hệ quả địa lí của các chuyển động chính của Trái Đất: Chuyển động tự quay (sự luân phiên ngày đêm, giờ trên Trái Đất); chuyển động quanh Mặt Trời (các mùa trong năm, ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ).  **\* Vận dụng**  - Sử dụng hình vẽ, lược đồ để phân tích được các hệ quả chuyển động của Trái Đất.  **\* Vận dụng cao**  - Liên hệ được thực tế địa phương về các mùa trong năm và chênh lệch thời gian ngày đêm.  - Giải thích được các hiện tượng liên quan đến hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất. | **4** | **3** | **1 (a\*)** | **1\*\*** |
| **4** | **D. Thạch quyển** | **D1.** Thạch quyển, thuyết kiến tạo mảng.  **D2.** Nội lực và ngoại lực. | **\* Nhận biết**  **-** Trình bày được khái niệm thạch quyển; phân biệt được thạch quyển với vỏ Trái Đất.  **-** Trình bày khái niệm nội lực, ngoại lực; nguyên nhân của chúng; tác động đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất.  **\* Thông hiểu**  - Phân tích tác động của nội lực, ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất.  **\* Vận dụng**  - Phân tích được sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh về tác động của nội lực, ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất.  - So sánh được nội lực và ngoại lực.  **\* Vận dụng cao**  - Giải thích được sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa trên bản đồ. | **4** | **3** | **1 (b\*)** | **1\*\*** |
| **Tổng** | | | **100** | **12 TN** | **9 TN** | **1 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức** | | | **100%** | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **100%** | **70%** | | **30%** | |

**Lưu ý:**

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.

- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.

- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

- (a\*) Giáo viên có thể ra câu hỏi ở mức độ vận dụng thuộc đơn vị kiến thức: **C.1** hoặc **C.2.**

- (b\* ) Giáo viên có thể ra câu hỏi ở mức độ vận dụng thuộc đơn vị kiến thức: **D.1** hoặc **D.2.**

- (1\*\*) Giáo viên có thể ra câu hỏi ở mức độ vận dụng cao thuộc thuộc đơn vị kiến thức: **C.1** hoặc **C.2** hoặc **D.1** hoặc **D.2.**